

BÁO CÁO
Công tác quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Định
giai đoạn 2011-2016

Thực hiện Công văn số 99/TTCP-V.III ngày 12/01/2017 của Thanh tra Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo công tác quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo giai đoạn 2011-2016 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Khái quát chung cơ cấu mạng lưới trường học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng giáo dục của UBND tỉnh giai đoạn 2011 - 2016

1. Cơ cấu mạng lưới trường, lớp, học sinh và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục: Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tổng hợp số liệu theo Biểu số 1)

2. Cơ cấu mạng lưới trường, sinh viên và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục: Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp (tổng hợp số liệu theo Biểu số 2)

3. Chất lượng giáo dục tiểu học (tổng hợp số liệu theo Biểu số 3,4)

4. Chất lượng giáo dục trung học (tổng hợp số liệu theo Biểu số 5)

5. Số lượng, danh sách các trường TCCN, cao đẳng, đại học do UBND tỉnh, thành phố quản lý (tổng hợp số liệu theo Biểu số 6)

II. Tình hình thực hiện QLNN về giáo dục giai đoạn 2011 - 2016

1. Việc xây dựng và trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất trường học, công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục để xây dựng Đề án Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học giai đoạn từ nay đến năm 2020 phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 và phù hợp với nội dung Tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 (về lĩnh vực giáo dục) của Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng nông thôn mới. Đề án đã được Hội

đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 Hội đồng nhân dân khóa XI, kỳ họp thứ 7; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4008/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 về việc ban hành Quy hoạch mạng lưới trường lớp học (mầm non và phổ thông) của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đến năm 2020.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII ban hành Chương trình hành động số 20-CTr-TU ngày 25/7/2014 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*

c) Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 về việc ban hành Kế hoạch *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.

d) Tiếp tục thực hiện Nghị định 115/2010/NĐ-CP: Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định với một số nội dung mới được quy định theo Nghị định 115. Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đang tích cực tham mưu UBND tỉnh triển khai Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Hướng dẫn số 5510/HD-UBND ngày 17/11/2015 về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và viên chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố.

e) Triển khai thực hiện Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 08/7/2013 về việc ban hành Quy định dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Định.

g) Căn cứ Quyết định ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học và chỉ thị về nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm, trước khi bước vào năm học mới, Sở GD&ĐT đều tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học và Chỉ thị về nhiệm vụ trọng tâm năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

h) Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh ban hành:

+ Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Công văn số 3355/UBND-VX ngày 08/8/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc chấn chỉnh việc huy động đóng góp các quỹ trái quy định và việc quản lý, sử dụng nguồn thu học phí không đúng quy định.

2. Việc tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; ban hành các chính sách của địa phương để phát triển giáo dục trên địa bàn

a) Sở đã chủ động triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; ban hành các chính sách của địa phương để phát triển giáo dục trên địa bàn. Trong đó tập trung kiểm tra việc thực hiện “Ba công khai”, tình hình thu các khoản đầu năm học, công tác quản lý tài chính, đặc biệt là việc tổ chức dạy thêm- học thêm; Thanh tra trách nhiệm của Hiệu trưởng trong việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, quản lý chuyên môn và thu, chi tài chính; việc thực hiện nội dung, chương trình; hồ sơ, sổ sách; thực hiện quy chế tuyển sinh; công tác kiểm tra nội bộ.

Qua kết quả thanh tra cho thấy các cơ sở giáo dục cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế của ngành, thực hiện tốt quy định về 03 công khai: công tác quản lý chuyên môn và quản lý thu, chi tài chính cơ bản thực hiện đúng quy định; việc thu, chi kinh phí tương đối chặt chẽ, tiết kiệm; hàng năm các đơn vị đều thực hiện trích một phần kinh phí để hỗ trợ các hoạt động phong trào, mua sắm bổ sung trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất và chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, thiếu sót, chấm dứt việc triển khai thu các khoản tiền sai quy định, đồng thời hướng dẫn cấp cơ sở thực hiện tốt hơn trong công tác quản lý chuyên môn và quản lý hành chính tại đơn vị.

b) Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định về định mức chi cho công tác tổ chức các kỳ thi:

- Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt mức chi cho công tác tổ chức các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về mức chi cho các kỳ thi học sinh giỏi, cán bộ quản lý giỏi, giáo viên giỏi, giáo viên dạy giỏi, Hội thi thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, GDQP-AN và các hội thi khác của Ngành Giáo dục và Đào tạo;



- Quyết định số 4387/QĐ-UBND ngày 7/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định 754/QĐ-UBND ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

3. Việc bảo đảm chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục trung cấp chuyên nghiệp do địa phương quản lý, giám sát việc bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học và trung cấp chuyên nghiệp khác theo quy định của pháp luật; chỉ đạo và tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, chống mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn.

a) Bảo đảm chất lượng giáo dục mầm non

- Tiếp tục triển khai tốt chương trình GDMN, tích hợp các nội dung phù hợp với chủ đề, vừa sức trẻ đưa vào từng hoạt động, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông ...

- 100% trường đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ không để xảy ra tai nạn thương tích và ngộ độc thực phẩm.

b) Bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông

- Thực hiện mục tiêu chung đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, Sở GD&ĐT đã tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sự quan tâm của PHHS đối với con em về nhu cầu học tập, khuyến khích các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông tổ chức được học 2 buổi/ngày; đặc biệt chú trọng nâng tỉ lệ trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em gái.

- Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả; chế độ, chính sách dành cho nhà giáo được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo và nghiệp vụ quản lý theo cấp học.

- Chuẩn hóa, nâng cao chất lượng học ngoại ngữ, tin học (đối với học sinh tiểu học có trên 80%, học sinh THCS và học sinh THPT đều được học tin học) phần đầu học sinh sau khi tốt nghiệp THPT có thể vận dụng 01 ngoại ngữ trong công tác và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc, mở rộng và nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực bảo đảm năng lực sử dụng của người học. Tiếp tục triển khai thí điểm dạy các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh trong trường chuyên và một số trường học khác có điều kiện.

- Sở và các phòng GD&ĐT đã tập trung chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học gắn với đổi mới kiểm tra đánh giá, thực hiện tích hợp các nội dung giáo dục trong dạy học các môn học; chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh; tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, triển khai vận dụng phương pháp “Bàn tay

nặng bột”, “dạy học theo dự án”, “vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn” vào dạy học.

Đặc biệt, Sở Giáo dục và Đào tạo đã đẩy mạnh phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục đạo đức, pháp luật, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường.

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Stt	Cấp học	Năm học 2011-2012		Năm học 2012-2013		Năm học 2013-2014		Năm học 2014-2015		Năm học 2015-2016	
		Số trường	Số trường chuẩn	Số trường	Số trường chuẩn	Số trường chuẩn	Số trường chuẩn	Số trường	Số trường chuẩn	Số trường	Số trường chuẩn
1	MN	189	15	193	19	194	21	201	30	208	41
2	TH	241	136	243	152	242	164	242	176	243	181
3	THCS	148	79	148	89	149	99	151	103	151	111
4	THPT	50	4	50	6	51	6	52	9	52	11
Tổng cộng		628	234	634	266	636	290	646	318	654	344

c) Việc giám sát việc bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học và trung cấp chuyên nghiệp khác theo quy định của pháp luật

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước trong giáo dục trình độ trung cấp chuyên nghiệp, trình độ cao đẳng như việc kiểm tra mở ngành đào tạo theo Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-BGDĐT ngày 25/11/2014 về việc hợp nhất Thông tư 52/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 13/2014/TT-BGDĐT; Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

- Chỉ đạo các trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/01/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tiêu chí xét tuyển đều được thông báo công khai trên website, bảng tin của các nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng. Quy trình xét tuyển thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch theo đúng quy định.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường TCCN thực hiện nghiêm túc thực hiện Điều lệ trường TCCN; các qui định về đào tạo, liên kết đào tạo...

- Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra đối với các hoạt động đào tạo TCCN, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm nếu có. Tuy nhiên, đến nay chưa phát hiện sai phạm nào trong đào tạo TCCN

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở đào tạo TCCN đều thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh TCCN theo quy định của pháp luật; công khai về công tác tuyển sinh, học phí, chuẩn đầu ra... tại trang thông tin điện tử của mình; chủ động báo cáo, đề xuất tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị, xã hội trong việc tổ chức, triển khai thực hiện tốt các hoạt động giáo dục TCCN.

d) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, chống mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn.

*** Giáo dục Tiểu học**

- Toàn tỉnh có 02/159 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2; đạt tỉ lệ 1,3 %; 157/159 xã, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; đạt tỉ lệ 98,7 %.

- 11/11 huyện, thành phố, thị xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, đạt tỉ lệ 100%.

- Tỉnh Bình Định đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3.

*** Giáo dục THCS**

- Từ năm 2004 đến nay, toàn tỉnh đạt và duy trì PCGDTHCS.

- Năm 2016 có 159/159 xã phường đạt tiêu chuẩn PCGDTHCS.

*** Giáo dục mầm non**

- Đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi tại thời điểm tháng 12/2015. Đến nay, tỉnh vẫn duy trì PCGDMN cho trẻ 5 tuổi.

đ) Xây dựng xã hội học tập trên địa bàn

- Trong những năm qua, ngành GDĐT đã kịp thời tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các Chỉ thị, Quyết định, văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ công tác phổ cập giáo dục (PCGD), xóa mù chữ (XMC) và phân luồng học sinh sau (THCS). Ngay sau khi có Chỉ thị 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị, Sở GDĐT đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/11/2014 về triển khai thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập đến năm 2020;

- Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về “PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả PCGD tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn”, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện, ra quyết định công nhận các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ năm 2016.

- Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu cho Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh tổ chức tốt Tuần lễ Hành động giáo dục cho mọi người và Tuần lễ

hưởng ứng học tập suốt đời với những nội dung cụ thể, thiết thực, hiệu quả nhằm góp phần nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Toàn tỉnh có 139 trung tâm học tập cộng đồng, chiếm tỉ lệ 87,4% số xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

- Sở Giáo dục và đào tạo đã phối hợp với Hội khuyến học tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh.

- Sở Giáo dục và đào tạo đã phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013-2016”

*** Đánh giá về chất lượng Giáo dục**

- Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì và có bước phát triển, phản ánh đúng thực chất chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh. Số lượng học sinh giỏi lớp 12 THPT cấp quốc gia khá cao, dẫn đầu Vùng thi đua số 4 và Cụm thi đua số 5. Bình Định tham gia đầy đủ và đạt thành tích cao tại các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, đặc biệt năm học 2015-2016 có 01 học sinh đạt huy chương bạc tại Kỳ thi Olympic toán học quốc tế. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trong những năm qua đạt 90% trở lên.

Tuy nhiên, tình trạng học sinh học lệch chưa được khắc phục. Vì vậy, ở cấp THPT, tỉ lệ học sinh đạt khá, giỏi thấp so với cấp THCS.

4. Việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo theo định kỳ và hàng năm về tổ chức và hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức và bộ máy thống kê: Công tác thống kê được kiện toàn từ Sở Giáo dục và Đào tạo đến từng Trường THPT và các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (thành phố), kiện toàn về cán bộ làm công tác thống kê, tăng cường các thiết bị tin học phục vụ kịp thời công tác thống kê, tổ chức tập huấn các chỉ tiêu thống kê mới ban hành.

- Chất lượng của công tác thống kê: Từ năm học 2011-2012 Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác thống kê bằng hệ thống phần mềm Emis thống nhất trên toàn quốc. Từ đầu năm học 2015-2016 Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị chuyển báo cáo thống kê định kỳ bằng hệ thống Emis sang báo cáo thống kê bằng phương pháp trực tuyến (**online**). Kết quả đã báo cáo đúng, đầy đủ, kịp thời số liệu thống kê đầu năm 2015-2016 bằng phương pháp trực tuyến (*Vụ Kế hoạch - Tài chính Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và Cục thống kê tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về khung kế hoạch thời gian từng năm học, Sở GD&ĐT đã triển khai thực hiện nghiêm túc việc báo cáo định kỳ (sơ kết học kỳ 1, tổng kết năm học), thực hiện đầy đủ việc báo cáo chuyên đề và đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

5. Việc quản lý các cơ sở giáo dục theo thẩm quyền

a) Căn cứ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý giáo dục quy định tại Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo đã quán triệt và tổ chức thực hiện việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan Sở, các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của cơ quan Sở, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định; thực hiện công tác quản lý các đơn vị theo phân cấp bao gồm: trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; trung tâm giáo dục thường xuyên; trường, lớp dành cho người khuyết tật. Qua đó xác định cụ thể, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và phát huy được vị trí, vai trò của từng đơn vị trong giai đoạn hiện nay; xây dựng được sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với các hoạt động giáo dục đã phân cấp quản lý về UBND, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, công tác tuyển dụng, sử dụng biên chế, công tác chuyên môn theo đúng quy định; tham mưu UBND ban hành Hướng dẫn số 5510/HD-UBND ngày 17/11/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố theo quy định hiện hành; phối hợp cùng các cơ quan có liên quan, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về việc quy định tạm thời chính sách hỗ trợ đối với người làm việc trong biên chế sự nghiệp tại phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố (viên chức được hưởng 25% tiền lương, phụ cấp); hàng năm, phối hợp cùng Sở Nội vụ kiểm tra công tác thực hiện, sử dụng biên chế sự nghiệp giáo dục, chỉ tiêu số lượng người làm việc, vị trí việc làm trước khi trình UBND tỉnh phân bổ biên chế sự nghiệp giáo dục, chỉ tiêu số lượng người làm việc; hướng dẫn phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện quy chế dân chủ theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; hướng dẫn triển khai thực hiện về vị trí việc làm giáo viên mầm non theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT, Bộ Nội vụ; chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhà giáo, công dân được theo đúng quy định phân cấp quản lý, quy định pháp luật hiện hành.

c) Nhằm tăng cường quyền chủ động cho cơ sở và sự sâu sát của UBND các huyện, thị xã, thành phố, nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa giáo dục, huy động tiềm lực của nhân dân để phát triển giáo dục, thực hiện tốt việc phân cấp quản lý Giáo dục theo đúng Luật Giáo dục và các văn bản Quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục. Từ năm 2002 ngành Giáo



dục và Đào tạo Bình Định thực hiện phân cấp quản lý toàn diện về giáo dục và đào tạo theo Quyết định số 2680/QĐ-UB ngày 29/7/2002 của UBND tỉnh Bình Định.

- Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở cho UBND huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý các đơn vị trực thuộc gồm các trường PTDTNT, các trường THPT, trường khuyết tật, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh. Riêng các Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp quản lý đến tháng 6/2016 giao về các huyện, thị xã, thành phố quản lý.

6. Việc chỉ đạo, hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm đủ biên chế sự nghiệp cho các cơ sở giáo dục, biên chế công chức cho cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định công tác quản lý, thực hiện biên chế, vị trí việc làm; công tác tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức, người lao động; công tác đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch; đề bạt, bổ nhiệm; đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp; nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm; chế độ, chính sách, tiền lương; tổ chức bộ máy; kiểm tra, giám sát...

a) Chính sách tuyển dụng

- Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 4960/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tuyển dụng viên chức được ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định ngày 14/8/2014.

b) Chính sách nâng lương

Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

c) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng

- Nghị quyết số 38/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo;

- Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo;

- Quyết định số 4474/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020.



d) Chính sách thu hút, đặc thù

- Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về việc quy định tạm thời chính sách hỗ trợ đối với người làm việc trong biên chế sự nghiệp tại phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

- Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định Quy định tạm thời chính sách, chế độ ưu đãi đối với các Trường THPT chuyên trên địa bàn tỉnh Bình Định.

7. Việc quản lý, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; việc thu, chi học phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp tỉnh; huy động các nguồn lực cho giáo dục, xã hội hóa giáo dục để phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh

a) Công tác quản lý ngân sách nhà nước chi cho giáo dục

- Công tác lập dự toán và tổng hợp dự toán được lập đồng thời với kế hoạch phát triển giáo dục, gửi Sở tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định có tổ chức trao đổi dự toán với tất cả các đơn vị trực thuộc Sở và làm việc với Sở Tài chính trước khi các ngành tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, chi đầu tư tập trung cơ sở vật chất trường, lớp học, chi chương trình mục tiêu Quốc gia về Giáo dục và Đào tạo, các dự án đầu tư cho Giáo dục và Đào tạo, chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên.

Nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong công tác lập dự toán chi sự nghiệp giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác lập dự toán cho các đơn vị trực thuộc, với các nội dung chủ yếu: căn cứ theo qui mô của trường về số học sinh, số lớp, để tính nhu cầu về con người theo định mức (định mức biên chế các đơn vị trực thuộc bảo vệ kế hoạch biên chế với phòng Tổ chức cán bộ để xây dựng kế hoạch biên chế toàn ngành). Dự toán hàng năm được xây dựng đảm bảo theo nguyên tắc: 80% chi cho con người và 20 % chi cho hoạt động. Riêng phần chi cho con người được tính theo quỹ tiền lương của biên chế thực tế có mặt và quỹ tiền lương của số biên chế còn thiếu so với chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Tất cả các đơn vị trực thuộc lập dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị mình theo biểu mẫu quy định và được trao đổi trực tiếp với Sở Giáo dục và Đào tạo để thống nhất số liệu dự toán, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và lập dự toán toàn ngành và được trao đổi dự toán trực tiếp với Sở Tài chính (dự toán hàng năm được Sở Tài chính bố trí lịch thời gian để làm việc). Hiện nay, dự toán năm của ngành được Sở Tài chính thống nhất giao dự toán đầu năm đảm bảo 80% chi cho con người và 20 % chi cho hoạt động.

- Các đơn vị trực thuộc Sở đã sử dụng thống nhất phần mềm kế toán tại đơn vị và phần mềm tổng hợp báo cáo quyết toán tại Sở Giáo dục và Đào tạo, nên công tác lập báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc và báo cáo quyết toán toàn ngành đảm bảo

đúng quy định theo Luật Ngân sách về thời gian nộp, thẩm tra báo cáo quyết toán cho Sở Tài chính cũng như báo cáo số liệu về tài chính cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Công tác quản lý thu, chi học phí các khoản thu khác

Công tác quản lý theo dõi, sử dụng, quyết toán học phí và các khoản thu khác được tổ chức thu, sử dụng, theo dõi và quyết toán đúng theo Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Các khoản thu trong nhà trường bao gồm: Học phí, lệ phí tuyển sinh ĐH, CĐ và TCCN (không bao gồm các khoản thu như: Hội cha mẹ học sinh, Quỹ khuyến học, các khoản thu hộ...)

- Công tác tổ chức thu do các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thu theo mức thu đã quy định và phát hành biên lai thu theo quy định của cơ quan thuế và cơ quan tài chính phát hành.

- Kinh phí thu được nộp vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch. Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định tiến hành lập dự toán thu, chi kinh phí ngoài ngân sách theo quy định hiện hành.

- Việc sử dụng học phí: Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được UBND tỉnh giao quyền tự chủ về tài chính nên nguồn thu học phí được sử dụng 40% số thu để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương, số còn lại 60% số thu được bổ sung kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị, nguồn thu học phí được chi, quyết toán hàng năm theo Luật Ngân sách và thực hiện ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước.

- Các khoản thu khác trong nhà trường: Nhằm khắc phục tình trạng lạm thu trong nhà trường, hàng năm vào đầu năm học Sở Giáo dục và Đào tạo đều có văn bản chỉ đạo về việc chấn chỉnh việc huy động các quỹ trái phép và quản lý, sử dụng nguồn thu học phí không đúng quy định trong nhà trường.

8. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương để đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục

Hiện nay 100% các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, tất cả các nội dung chi, mức chi được quy định chặt chẽ trong Quy chế chi tiêu nội bộ và được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội nghị Công chức, viên chức của đơn vị. Việc giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị trực thuộc đã mang lại hiệu quả trong công tác quản lý các nguồn kinh phí, chi tiêu đúng mục đích, đúng định mức, đúng nội dung quy định, thực hiện tiết kiệm chi để tăng thu nhập và trích lập các quỹ, nhất là Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học và tăng cường cơ sở vật chất trường học.

9. Chỉ đạo việc kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về giáo dục trong việc bảo đảm các điều kiện về thành lập trường, hoạt động giáo dục, mở ngành đào tạo; công khai chất lượng giáo dục, công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo

đục; việc đào tạo gắn với nhu cầu xã hội theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở giáo dục đại học

Sở Giáo dục và đào tạo đã giúp UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra thẩm định thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học theo đúng Thông tư 03/2011-TT-BGDĐT ngày 28/01/2011 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.

Đối với việc mở mã ngành đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, Sở Giáo dục và đào tạo đã thực hiện nghiêm túc theo đúng Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

10. Việc quản lý nhà nước các cơ sở dịch vụ tư vấn, đưa người đi du học tự túc theo quy định của pháp luật

Từ năm 2013 đến 2016, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nghiêm túc việc quản lý hoạt động dịch vụ tư vấn du học theo đúng Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập. Đến nay, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định đã cấp 01 giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ tư vấn du học cho Công ty 47 Bình Định

Thực hiện Công văn số 3125/BGDĐT-ĐTVNN ngày 28/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quản lý hoạt động dịch vụ tư vấn du học, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung văn bản này. Đến nay, Sở chưa phát hiện trường hợp sai phạm nào về hoạt động dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn tỉnh.

III. Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục

1. Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục

Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đã hoàn thành tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ngành đã tuân thủ đúng Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trên lĩnh vực giáo dục.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành nhiều chủ trương, chính sách của địa phương nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh. Trong công tác quản lý, Sở đã thực hiện nghiêm túc các khâu xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và kiểm tra chấn chỉnh các sai phạm; đồng thời coi trọng công tác thi đua, khen thưởng, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cấp trên. Các chính sách dành cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông và các cơ sở dạy nghề phát triển phù hợp với phân bố dân cư và địa hình của tỉnh, tạo cơ hội và đáp

ứng tốt nhu cầu học tập của con em các dân tộc tỉnh nhà và góp phần thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài. Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi khá cao và duy trì ổn định ở tất cả các cấp học.

Chất lượng giáo dục toàn diện, hiệu quả giáo dục tiếp tục có những chuyển biến rõ nét ở các cấp học. Số trường, số học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày được mở rộng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt cao, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tăng lên hàng năm. Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt 100%; trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,8%; tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15- 18 tuổi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) đạt 85%, có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) đạt 65%. Bình Định đã duy trì vững chắc thành quả Xóa mù chữ, phổ cập Giáo dục TH, phổ cập giáo dục THCS, phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Cơ sở vật chất trường, lớp học được chú trọng đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hóa. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 71,6%, bán kiên cố đạt tỷ lệ 23,1%; trường chuẩn quốc gia đạt 53% (Mầm non: 20%, Tiểu học: 74%, Trung học cơ sở: 74%, Trung học phổ thông: 21%).

Công tác quản lý giáo dục có nhiều đổi mới; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục được tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý hơn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục.

Trong các trường học, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống được chú trọng; kỷ cương, nề nếp trường học tiếp tục được duy trì và củng cố.

Công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học. Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã có sự quan tâm, chú trọng đến sự nghiệp giáo dục; các ngành, các tổ chức đoàn thể, các lực lượng xã hội đã có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ để thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển.

2. Các hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Công tác giáo dục và đào tạo trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, đó là: Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo vẫn còn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới; một bộ phận giáo viên các cấp chưa theo kịp yêu cầu phát triển giáo dục; tình trạng học sinh bỏ học (nhất là cấp THPT) chưa được khắc phục triệt để; đội ngũ cán bộ quản lý vẫn còn bất cập về số lượng, chưa đồng bộ về cơ cấu; trình độ lý luận chính trị, kỹ năng quản lý nhà nước và quản lý giáo dục còn hạn chế; chất lượng giáo viên giữa các vùng, miền vẫn còn có sự chênh lệch đáng kể; hằng năm, tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn xảy ra ở một số đơn vị.

Mặc dù đã được đầu tư đáng kể, nhưng cơ sở vật chất ở một số trường học vẫn còn thiếu, nhất là ở cấp học mầm non, tiểu học. Việc quản lý, sử dụng thiết bị dạy học ở một số trường chưa được thực hiện tốt.



Mạng lưới trường, cơ sở dạy nghề bất cập; công tác tuyển sinh tại các trường trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên là do: việc nhận thức và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, nhất là quan điểm “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân” còn chậm, chưa sâu sắc. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương còn hạn chế, chưa kịp thời.

Công tác xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhận thức chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa được quan tâm đúng mức.

Nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo còn thấp so với nhu cầu. Công tác tham mưu ở một số cơ quan quản lý giáo dục cho cấp ủy, chính quyền địa phương chưa chủ động, chất lượng thấp.

a) Phương hướng khắc phục các hạn chế, yếu kém và giải pháp

Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục theo yêu cầu của Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, tập trung thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 25/7/2014 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” gắn với việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục ở các địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa ngành và địa phương trong quản lý giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục địa phương theo Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về giáo dục của địa phương.

- Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường. Thực hiện “3 công khai”, cải cách hành chính; nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên.

- Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 08/7/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Định; tiến hành sơ kết để rút kinh nghiệm, tổ chức thực hiện tốt hơn.

- Tích cực đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với đặc thù của ngành; nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn.

- Chú trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, công tác giáo dục thể chất; tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, đặc biệt là giáo dục về chủ quyền biển đảo quê hương.

- Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông vùng dân tộc.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tiếp tục triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các nhà trường thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Giáo dục mầm non:

+ Tiếp tục chỉ đạo đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Chấn chỉnh các sai phạm về dạy trước chương trình lớp 1.

+ Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường. Tập trung nguồn lực thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

+ Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số, đảm bảo 100% trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

- Giáo dục phổ thông

+ Tranh thủ sự hỗ trợ của chính quyền, các hội đoàn thể, đặc biệt là của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác phòng, chống tình trạng học sinh bỏ học.

+ Thực hiện đổi mới đồng bộ hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông, trong đó tập trung thực hiện quy định mới về đánh giá học sinh.

+ Tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN), phương pháp dạy học “Bàn tay nặn bột”. Mở rộng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, chú trọng ở cấp tiểu học.



+ Tiếp tục chỉ đạo điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh giản; chú trọng việc xây dựng và triển khai dạy học các chủ đề tích hợp liên môn; tăng cường các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, chống lưu ban, bỏ học, giáo dục pháp luật và kỹ năng sống cho học sinh, giúp học sinh vận dụng tốt kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học; tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi khác do Bộ GD&ĐT tổ chức; tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp trong các trường trung học; đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Tích cực củng cố và nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục.

- Giáo dục thường xuyên

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 89/2013/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của các cơ sở GDTX trong việc cung ứng cơ hội học tập suốt đời cho mọi người và là hạt nhân liên kết trong việc xây dựng xã hội học tập.

+ Củng cố mô hình hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng theo hướng một cơ sở thực hiện nhiều nhiệm vụ; mở rộng việc dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề góp phần phân luồng học sinh sau THCS, tăng cường nề nếp, kỷ cương, hiệu quả hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân học thường xuyên, học suốt đời.

+ Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; nâng cao năng lực cho đội ngũ CB, GV các cơ sở GDTX để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên của ngành và tổ chức các lớp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên và người lao động.

+ Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học.

c) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các địa phương. Đánh giá giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn đảm bảo khách quan, công bằng qua kết quả tự bồi dưỡng thường xuyên và đóng góp thực tế trong nhà trường được đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh ghi nhận.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách đối với nhà giáo; đặc biệt là giáo viên mầm non, giáo viên đang công tác tại vùng miền núi và vùng đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi giáo dục thường xuyên, giáo viên mầm non và phổ thông.

d) Tăng nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính giáo dục

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả lộ trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo, các chương trình, dự án vốn ODA, các đề án do địa phương phê duyệt,... Thực hiện tốt công tác thiết bị, thư viện trường học. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án trên cùng một địa bàn để xây dựng trường lớp mầm non, phổ thông đạt yêu cầu tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục mới, tăng cường thiết bị phục vụ rèn luyện thể chất và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

IV. Kiến nghị đề xuất

- Nhà nước nên ưu tiên đầu tư ngân sách phát triển giáo dục mầm non cả công lập và tư thục, phấn đấu đến năm 2020 thực hiện không thu học phí bậc học mầm non như Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI đã xác định.

- Quan tâm giải quyết chế độ thâm niên dành cho cán bộ, công chức đang công tác tại các phòng GD&ĐT, các Sở GD&ĐT

Trên đây là Báo cáo công tác quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2016./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch, PCT VX;
- Sở GD&ĐT;
- CVP, PVP P.V.Thủy;
- Lưu: VT, K9.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Tuấn Thanh

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC SINH VÀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQLGD MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG



TT	Năm học/Cấp học	Trường			Lớp	Trong đó		Học sinh	Trong đó		Tỷ lệ học sinh ngoài công lập (%)	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Ghi chú
		Công lập	Trong đó	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập					
1	Mầm non (Nhà trẻ, Mẫu giáo, Mầm non)														
	Năm học 2011-2012	189	51	138	1.269	291	978	50.983	10.488	40.495	79,43	282	2.349	436	
	Năm học 2012-2013	193	59	134	2.165	514	1.651	52.467	13.123	39.344	74,99	285	2.218	520	
	Năm học 2013-2014	194	151	43	2.126	1.439	687	54.852	38.531	16.321	29,75	296	2.588	814	
	Năm học 2014-2015	202	177	25	1.953	1.649	304	53.164	44.860	8.304	15,62	367	2.704	840	
	Năm học 2015-2016	203	177	26	2.206	1.614	592	53.398	43.968	9.430	17,66	398	2.841	1.022	
2	Tiểu học														
	Năm học 2011-2012	241	241	0	4.613	4.613	0	123.878	123.878	0	0,00	494	5.937	876	
	Năm học 2012-2013	243	243	0	4.555	4.555	0	122.763	122.763	0	0,00	487	6.239	884	
	Năm học 2013-2014	244	244	0	4.734	4.734	0	124.142	124.142	0	0,00	494	6.083	994	
	Năm học 2014-2015	244	244	0	4.532	4.532	0	123.944	123.944	0	0,00	497	6.207	1.006	
	Năm học 2015-2016	244	244	0	4.510	4.510	0	124.805	124.805	0	0,00	494	6.338	1.118	
3	THCS														
	Năm học 2011-2012	148	148	0	2.713	2.713	0	100.709	100.709	0	0,00	302	5.130	724	
	Năm học 2012-2013	148	148	0	2.650	2.650	0	97.037	97.037	0	0,00	325	5.386	748	
	Năm học 2013-2014	149	149	0	2.624	2.624	0	95.027	95.027	0	0,00	324	5.196	871	
	Năm học 2014-2015	149	149	0	2.643	2.643	0	94.762	94.762	0	0,00	325	5.201	850	
	Năm học 2015-2016	150	150	0	3.216	3.216	0	93.423	93.423	0	0,00	319	5.163	890	
4	THPT														
	Năm học 2011-2012	47	45	2	1.518	1.279	239	71.050	59.716	11.334	15,95	118	2.498	360	
	Năm học 2012-2013	50	48	2	1.516	1.246	270	67.540	55.913	11.627	17,21	121	2.613	341	
	Năm học 2013-2014	51	49	2	1.238	1.192	46	52.230	50.413	1.817	3,48	120	2.681	389	
	Năm học 2014-2015	53	51	2	1.351	1.314	37	55.825	54.381	1.444	2,59	129	2.339	378	
	Năm học 2015-2016	53	51	2	1.322	1.296	26	52.764	51.755	1.009	1,91	138	2.691	424	
5	Tổng cộng														
	Năm học 2011-2012	625	485	140	10.113	8.896	1.217	346.620	294.791	51.829	14,95	1.196	15.914	2.396	
	Năm học 2012-2013	634	498	136	10.886	8.965	1.921	339.807	288.836	50.971	15,00	1.218	16.456	2.493	
	Năm học 2013-2014	638	593	45	10.722	9.989	733	326.251	308.113	18.138	5,56	1.234	16.548	3.068	
	Năm học 2014-2015	648	621	27	10.479	10.138	341	327.695	317.947	9.748	2,97	1.318	16.451	3.074	
	Năm học 2015-2016	650	622	28	11.254	10.636	618	324.390	313.951	10.439	3,22	1.349	17.033	3.454	

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, SINH VIÊN VÀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQLGD ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TCCN

TT	Năm học/Cấp học	Trường	Trong đó		Sinh viên	Trong đó		Tỷ lệ Sinh viên ngoài công lập (%)	Cán bộ quản lý	Giáo viên, Giảng viên	Nhân viên	Ghi chú
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập					
1	Trung cấp chuyên nghiệp											
	Năm học 2011-2012	2	2	0	1.016	1.016	0	0	24	66	35	0
	Năm học 2012-2013	2	2	0	857	857	0	0	22	72	32	0
	Năm học 2013-2014	2	2	0	704	704	0	0	21	70	29	0
	Năm học 2014-2015	2	2	0	644	644	0	0	20	64	31	0
	Năm học 2015-2016	2	2	0	622	622	0	0	20	60	29	0
2	Cao đẳng											
	Năm học 2011-2012	2	2	0	4.458	4.458	0	0	51	139	65	0
	Năm học 2012-2013	2	2	0	4.744	4.744	0	0	50	142	73	0
	Năm học 2013-2014	2	2	0	4.944	4.944	0	0	53	139	79	0
	Năm học 2014-2015	2	2	0	4.703	4.703	0	0	52	146	78	0
	Năm học 2015-2016	2	2	0	4.696	4.696	0	0	51	142	77	0
3	Đại học											
	Năm học 2011-2012	2	1	1	21.552	13.909	7.643	35,46	120	819	275	0
	Năm học 2012-2013	2	1	1	20.811	14.793	6.018	28,92	87	840	284	0
	Năm học 2013-2014	2	1	1	19.770	16.512	3.258	16,48	87	845	280	0
	Năm học 2014-2015	2	1	1	17.348	14.855	2.493	14,37	83	809	254	0
	Năm học 2015-2016	2	1	1	16.029	14.411	1.618	10,09	104	700	284	0
4	Tổng cộng											
	Năm học 2011-2012	6	5	1	27.026	19.383	7.643	28,28	195	1.024	375	0
	Năm học 2012-2013	6	5	1	26.412	20.394	6.018	22,79	159	1.054	389	0
	Năm học 2013-2014	6	5	1	25.418	22.160	3.258	12,82	161	1.054	388	0
	Năm học 2014-2015	6	5	1	22.695	20.202	2.493	10,98	155	1.019	363	0
	Năm học 2015-2016	6	5	1	21.347	19.729	1.618	7,58	175	902	390	0

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC: HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH LỚP HỌC

TT	Tên Sở GD&ĐT	Tổng số học sinh	Hoàn thành										Chưa hoàn thành										Ghi chú
			Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
	Sở GD&ĐT Bình Định																						
1	Năm học 2011-2012	123.392	24.278	96,4	24.385	98,3	24.233	98,2	23.067	97,3	25.275	99,2	896	3,6	425	1,7	415	1,7	375	1,6	42	0,2	
2	Năm học 2012-2013	122.260	24.505	96,9	24.249	98,7	24.352	98,8	24.135	98,5	23.234	99,9	779	3,1	312	1,3	298	1,2	371	1,5	25	0,1	
3	Năm học 2013-2014	123.895	25.607	99,9	24.780	99,9	24.479	99,9	24.544	99,9	24.366	100	75	0,1	21	0,1	13	0,1	9	0,1	1	0	
4	Năm học 2014-2015	123.769	24.422	97,05	24.918	99,2	24.490	99,3	24.239	99,5	24.425	99,9	743	2,9	209	0,8	177	0,7	131	0,5	15	0,1	
5	Năm học 2015-2016	124.605	25.514	97,3	24.364	99,2	24.902	99,6	24.429	99,5	24.276	99,9	697	2,7	195	0,8	87	0,4	131	0,5	10	0,1	

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC: XẾP LOẠI NĂNG LỰC

TT	Tên Sở GD&ĐT	Tổng số học sinh	Đạt										Chưa đạt										Ghi chú
			Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
	Sở GD&ĐT Bình Định																						
1	Năm học 2011-2012																						
2	Năm học 2012-2013																						
3	Năm học 2013-2014																						
4	Năm học 2014-2015	123.769	24.845	98,70	25.038	99,60	24.601	100	24.338	99,90	24.439	100,00	320	1,30	89	0,40	66	0,30	32	0,10	1	0,00	
5	Năm học 2015-2016	124.605	25.960	99,00	24.498	99,70	24.952	100	24.505	99,70	24.283	99,90	251	1,00	61	0,30	37	0,20	55	0,30	3	0,10	

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC: XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Cấp học	Tổng số học sinh	Hạnh kiểm								Học lực										Ghi chú
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
	Bình Định																				
	THCS																				
	Năm học 2011-2012	98.635	58.071	58,87	32.531	32,98	7.697	7,80	336	0,34	14.356	14,55	35.771	36,27	42.817	43,41	5.446	5,52	245	0,25	
	Năm học 2012-2013	95.513	57.590	60,30	31.110	32,57	6.563	6,87	250	0,26	13.891	14,54	34.624	36,25	42.072	44,05	4.738	4,96	188	0,20	
	Năm học 2013-2014	93.691	58.350	62,28	29.463	31,45	5.561	5,94	317	0,34	14.145	15,10	34.888	37,24	40.371	43,09	4.094	4,37	193	0,21	
	Năm học 2014-2015	93.243	59.886	64,23	28.408	30,47	4.766	5,11	183	0,20	14.369	15,41	35.586	38,16	39.402	42,26	3.706	3,97	180	0,19	
	Năm học 2015-2016	89.834	59.783	66,55	25.854	28,78	3.993	4,44	204	0,23	14.590	16,24	34.825	38,77	36.929	41,11	3.326	3,70	164	0,18	
	THPT																				
	Năm học 2011-2012	68.083	32.129	47,19	27.259	40,04	7.838	11,51	857	1,26	1.415	2,08	19.262	28,29	36.735	53,96	10.467	15,37	204	0,30	
	Năm học 2012-2013	65.052	33.788	51,94	24.245	37,27	6.370	9,79	649	1,00	1.413	2,17	20.382	31,33	34.185	52,55	8.921	13,71	151	0,23	
	Năm học 2013-2014	58.656	34.345	58,55	19.346	32,98	4.478	7,63	487	0,83	1.964	3,35	21.659	36,93	28.901	49,27	6.036	10,30	96	0,16	
	Năm học 2014-2015	53.395	34.993	65,54	14.838	27,79	3.249	6,08	315	0,59	2.818	5,28	23.299	43,64	23.377	43,78	3.821	7,16	80	0,15	
	Năm học 2015-2016	50.887	34.913	68,61	13.195	25,93	2.453	4,82	326	0,64	4.023	7,91	24.153	47,46	19.840	38,99	2.813	5,53	58	0,11	

SỐ LƯỢNG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TCCN

Số TT	Năm học	TCCN				Cao đẳng				Đại học				Ghi chú
		Trường công lập		Trường ngoài công lập		Trường công lập		Trường ngoài công lập		Trường công lập		Trường ngoài công lập		
		Số trường	Tên trường	Số trường	Tên trường	Số trường	Tên trường	Số trường	Tên trường	Số trường	Tên trường	Số trường	Tên trường	
1	Năm học 2011-2012	2	- Kinh tế Kỹ thuật - Văn hóa nghệ thuật	0		2	- Cao đẳng Bình Định - Cao đẳng Y tế Bình Định	0		1	- Đại học Quy Nhơn	1	- Đại học Quang Trung	
2	Năm học 2012-2013	2	- Kinh tế Kỹ thuật - Văn hóa nghệ thuật	0		2	- Cao đẳng Bình Định - Cao đẳng Y tế Bình Định	0		1	- Đại học Quy Nhơn	1	- Đại học Quang Trung	
3	Năm học 2013-2014	2	- Kinh tế Kỹ thuật - Văn hóa nghệ thuật	0		2	- Cao đẳng Bình Định - Cao đẳng Y tế Bình Định	0		1	- Đại học Quy Nhơn	1	- Đại học Quang Trung	
4	Năm học 2014-2015	2	- Kinh tế Kỹ thuật - Văn hóa nghệ thuật	0		2	- Cao đẳng Bình Định - Cao đẳng Y tế Bình Định	0		1	- Đại học Quy Nhơn	1	- Đại học Quang Trung	
5	Năm học 2015-2016	2	- Kinh tế Kỹ thuật - Văn hóa nghệ thuật	0		2	- Cao đẳng Bình Định - Cao đẳng Y tế Bình Định	0		1	- Đại học Quy Nhơn	1	- Đại học Quang Trung	